

BẢNG GIÁ VẬT TƯ TIÊU HAO Y TẾ

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Hãng SX/nước SX	Quy cách đóng gói	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
1	Sonde cho ăn số: 5,6,8,10,12,14 FR	Covidien/ Thailand	Cái (Gói 1 cái)	Cái	10,500
2	Sonde hút nội khí quản các số 5,6,8,10,12,14,16FR	Covidien/ Thailand	Cái (Gói 1 cái)	Cái	9,200
3	Sonde dạ dày số: 10,12, 14, 16, 18FR	Hoàng sơn /VN	Túi 1 cái	Cái	5,250
4	Sonde Foley 2 nhánh, tráng silicon, số: 8,10FR,	Covidien/ Malaysia	Cái (Gói 1 cái)	Cái	39,600
5	Sonde Foley 2 nhánh số: 12,14,16,18,20,22,24FR,	Covidien/ Malaysia	Cái (Gói 1 cái)	Cái	23,650
6	Sonde hậu môn số 12,14,16,18, 24CH	Greetmed/Trung Quốc	Hộp 40 Cái	Cái	4,200
7	Ống nội khí quản có bóng và không bóng các số:2.5,3 ;3,5; 4; 4,5; 5 ;5,5 ;6 ;6,5 ;7 cuff; 7,5 cuff	Covidien/ Thailand	Cái (Gói 1 cái)	Cái	49,613
8	Ống mở khí quản không bóng trẻ sơ sinh số 2.5, 3, 3.5, 4.0, 4.5, 5	Covidien/ Mexico	Cái (Hộp 1 cái)	Cái	931,889
9	Ống mở khí quản không bóng trẻ em số 3.0, 3.5, 4.0, 4.5, 5.0, 5.5.	Covidien/ Mexico	Cái (Hộp 1 cái)	Cái	826,875
10	Ống nội khí quản có lò so và có bóng chèn số 3.0; 3.5 ; 4.0 ;4.8	Nonchange/Đài Loan	Cái	Cái	44,100
11	Ống nội khí quản có lò so và có bóng chèn số 5.0; 5.5 ;6.3	Nonchange/Đài Loan	Cái	Cái	44,100
12	Ống dẫn lưu lồng ngực silicone cỡ (3 x 1; 4 x 1; 5 x 1; 6 x 1)mm	VBM Medizintechnik GmbH / Đức	Cái	Cái	78,100
13	Túi truyền áp lực cao	Vital Sings - GE Healthcare/Mỹ	Cái	cái	745,000
14	Sonde JJ các số 100% silicone kèm dây dẫn titan, que đẩy	AsTek/ Đức	Bộ	Bộ	1,855,000
15	Dẫn lưu não ngoài 1bộ gồm 1 EDMS và 1 catheter	Integra- Pháp	Bộ	Bộ	3,060,000
16	Van dẫn lưu nhân tạo, áp lực thấp	Medtronic/ Mỹ	Bộ/Hộp	Bộ	6,500,000
17	Van dẫn lưu nhân tạo, áp lực trung bình	Medtronic/ Mỹ	Bộ/Hộp	Bộ	6,500,000
18	Đinh Kirschner các cỡ	AS/ Đức	Cái	Cái	71,500
19	Port - Buồng tiêm tĩnh mạch dưới da Catheter 1,3 x 2,2/6,6F (Jet Port Plus)	Pfm Medical- Thụy Sỹ	Hộp/1Bộ	Bộ	7,500,000
20	Bơm tiêm nhựa 1ml	Mediplast/ Việt Nam	100 cái/1 hộp, 4200 cái/1 kiện	Cái	588
21	Bơm tiêm nhựa 5ml	Vinahankook/ Việt Nam	Cái	Cái	594
22	Bơm tiêm nhựa 10ml	Vinahankook/ Việt Nam	Cái	Cái	914

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Hãng SX/nước SX	Quy cách đóng gói	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
23	Bơm tiêm nhựa 20ml	Vinahankook - Vihaco/ LD Việt Hàn	50 cái/hộp	Cái	2,100
24	Bơm tiêm nhựa 50ml	Vinahankook/ Việt Nam	Cái	Cái	4,210
25	Bơm cho ăn nhựa 50ml	Mediplast/ Việt Nam	25 cái/1 hộp, 400 cái/1 kiện	Cái	3,990
26	Bơm tiêm nhựa 20ml có khóa	TERUMO/ Philippin	50 cái/hộp	Cái	2,940
27	Bơm tiêm nhựa 50ml có khóa	Top Coporation Japan- Taiwan	1 cái/ túi 25 cái/ hộp	cái	9,500
28	Bơm truyền dịch liên tục 100ml,120ml, 200ml(không dùng điện)	Daiken / Nhật Bản	Cái/Túi	Cái	550,000
29	Kim chọc dò tuỷ sống 20 G, 22Gx 1 ^{1/2} , 25G,27G lăng kính pha lê phản quang trong chuôi kim giúp nhận biết dịch chảy ra	B.Braun -Malaysia - Nhật	Hộp 25 cái	Cái	23,625
30	Kim cánh bướm dài 30cm số: 22,23, 25G	B.Braun - Malaysia	Hộp/ 50 cái	Cái	4,620
31	Kim cánh bướm lấy máu chân không cỡ 22G	ZMC- Trung Quốc	100cái/hộp 1000cái/thùng	Cái	1,486.80
32	Kim nhựa 18G	KBM- Trung Quốc	Hộp/ 100 cái	Cái	410
33	Kim nhựa 20G	KBM- Trung Quốc	Hộp/ 100 cái	Cái	420
34	Kim nhựa 22G	B.Braun - Malaysia	Hộp/ 100 cái	Cái	672
35	Kim chích máu xét nghiệm	Improve Medical Instruments Co.,Ltd Trung Quốc	Cái 100 cái/hộp	Cái	118
36	Kim truyền tĩnh mạch 20G-22G dùng cho buồng tiêm Port	Pfm Medical- Thụy Sỹ	Hộp/1Cái	Cái	95,000
37	Kim luồn tĩnh mạch không cánh các cỡ	Terumo - Philippines	Cái	Cái	8,326
38	Kim luồn tĩnh mạch an toàn có đầu bịt bảo vệ bằng kim loại các cỡ	Becton Dickinson/ USA	Cái (Hộp 50 cái)	Cái	16,800
39	Kim sinh thiết gan G17	B.Braun - Đức	Hộp/ 1 cái	Cái	220,000
40	Kim lọc thận nhân tạo G17, G16	Nipro Corporation/ Thái lan	Cái 50 cái/hộp	Cái	8,505
41	Kim sinh thiết tủy xương dùng nhiều lần các cỡ	Unimed/ Thụy Sỹ	01 cái/ hộp	cái	18,000,000
42	Kim sinh thiết tủy xương dùng một lần các cỡ	Carefusion-Dominica	Cái	Cái	850,000
43	Kim chọc hút tủy xương dùng nhiều lần các số	Unimed/ Thụy Sỹ	01 cái/ hộp	cái	3,900,000
44	Kim chọc hút tủy xương dùng một lần 15-16-17-18 G	Cty liên doanh Công nghệ Y tế Đức GMT/Trung Quốc	Cái	Cái	192,000
45	Kim Harvest tủy xương 14G	Hs/ Italia	01 cái/ túi	cái	950,000
46	Kim châm cứu 5cm	Y cụ -VN	Túi 100 cái	Cái	336
47	Bộ gây tê ngoài màng cứng trẻ em cỡ 18G	Fert/ Trung quốc	Bộ	Bộ	180,000
48	Bộ gây tê ngoài màng cứng trẻ em cỡ 19G	Smiths / CH Séc	Bộ/Hộp	Bộ	598,000
49	Catheter dẫn lưu màng phổi các cỡ	Fortune/ Đà Loan	01 bộ/ túi	bộ	76,000
50	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng các cỡ	B.Braun - Đức	Hộp 50 bộ	Bộ	231,000

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Hãng SX/nước SX	Quy cách đóng gói	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
51	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng các cỡ	Biosensors/ Singapore	10 bộ/hộp	Bộ	600,000
52	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng cỡ 5F	Biosensors/ Singapore	10 bộ/hộp	Bộ	650,000
53	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng cỡ 7F	Biosensors/ Singapore	10 bộ/hộp	Bộ	510,000
54	Catheter rốn số: 3,5F	Vygon/ Pháp	15 bộ/hộp	Bộ	65,100
55	Catheter tĩnh mạch, động mạch rốn các số 4, 5, 6	Vygon/ Pháp	15 bộ/hộp	Bộ	57,750
56	Catheter tĩnh mạch rốn 2 nòng 4F, 4,5F	Vygon/ Pháp	1 bộ/hộp	Bộ	1,378,000
57	Catheter nuôi ăn tĩnh mạch trung tâm đặt từ đường ngoại biên cho trẻ sơ sinh thiếu tháng >1500g loại 24G	Vygon/ Pháp	1 bộ/hộp	Bộ	1,554,000
58	Catheter nuôi ăn tĩnh mạch trung tâm đặt từ đường ngoại biên cho trẻ sơ sinh thiếu tháng < 1500g loại 28G	Vygon/ Pháp	1 bộ/hộp	Bộ	1,638,000
59	Dây truyền dịch với cửa thông khí có màng lọc vi khuẩn 0.2µm, màng lọc dịch 15µm, 20 giọt/ml không chứa DEHP	B.Braun - Việt Nam	Hộp/ 100 cái	Bộ	10,920
60	Dây truyền dịch an toàn có màng ngăn dịch và màng chặn khí với tác dụng tự đui khí và không bị tụt đầu	B.Braun - Việt Nam	Hộp/ 100 cái	Bộ	18,900
61	Dây truyền dịch 60 giọt/ml có bầu đo	B.Braun - Malaysia	Hộp/ 100 bộ	Bộ	73,500
62	Dây nối chịu áp lực - 75 cm đường kính 3mm	B.Braun - Malaysia	Hộp/ 100 cái	Cái	12,495
63	Dây dẫn bơm tiêm điện 75cm f 0,9mm	B.Braun - Việt Nam	Hộp/ 50 cái	Cái	12,495
64	Dây truyền máu	Perfect - Việt nam	Túi/bộ	Bộ	7,350
65	Bộ van dây hậu môn các cỡ	Cooper Surgical - Mỹ	Bộ	Bộ	3,960,000
66	Nút đui kim lườn	B.Braun - Malaysia	Hộp/ 100 cái	Cái	4,200
67	Phin lọc bạch cầu cho tiểu cầu	TERUMO/ Nhật Bản	25 cái/hộp	Cái	934,500
68	Phin lọc bạch cầu cho hồng cầu	TERUMO/ Nhật Bản	25 cái/hộp	Cái	735,000
69	Túi máu đơn 250ml	TERUMO/ Việt Nam	10 túi/túi nhôm	Túi	34,650
70	Túi máu ba 250ml	TERUMO/ Việt Nam	4 túi/túi nhôm	Túi	99,750
71	Túi máu ba 350ml	TERUMO/ Việt Nam	4 túi/túi nhôm	Túi	99,750

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Hãng SX/nước SX	Quy cách đóng gói	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
72	Găng tay cao su hộ lý màu vàng	VG/ Việt Nam	Đôi	Đôi	10,430
73	Găng tay khám cổ dài	Thương hiệu TDM - Sản xuất tại Malaysia	Đôi	Đôi	999
74	Găng tay nilon	Việt Nam	Đôi	Đôi	265
75	Găng tay cao su không bột dùng cho sinh học phân tử	Nam Việt - Việt Nam	Thùng 500 đôi/Hộp 50 đôi	Đôi	1,350
76	Găng tay phẫu thuật vô trùng không bột số: 6,5; 7; 7,5	Mexpo/Mỹ- Malaysia	50 đôi/hộp	Đôi	4,410
77	Găng tay phẫu thuật vô trùng số: 6,5; 7; 7,13	Sempermed/ Áo	Đôi	Đôi	3,650
78	Găng tay vô trùng số 7 và 7,5 (làm thủ thuật)	Khải Hoàn - Việt nam	Túi/đôi	Đôi	3,360
79	Nhiệt kế y học	Ningbo Hi-Life/ Trung Quốc (Hiệu: Aurora)	Cái	Cái	10,500
80	Đè lưỡi bằng gỗ	Tanaphar/ Việt Nam	Cái	Cái	263
81	Mask khí dung cỡ S,M	Nonchange/Đài Loan	Cái	Cái	15,120
82	Mask thở ôxy các cỡ	ZMC- Trung Quốc	1cái/túi 100cái/thùng	Cái	12,600
83	Gọng Oxy các cỡ	Khang Nguyên/ Việt Nam	Cái	Cái	4,400
84	Ống nghe y tế	ALPK2 - Nhật	Hộp 1 cái	Cái	90,000
85	Khoá ba chạc không dây	B.Braun - Thụy sỹ	Hộp/ 50 cái	Cái	9,975
86	Khoá ba chạc dây nối 10cm	B.Braun - Thụy sỹ	Hộp/ 50 cái	Cái	16,275
87	Khoá ba chạc dây nối 25cm	B.Braun - Thụy sỹ	Hộp/ 50 cái	Cái	19,950
88	Túi đựng nước tiểu 2 lít loại thường	Ningbo Greatcare/ Trung Quốc	Cái/ túi	Cái	4,100
90	Gel K-Y bôi trơn ống nội soi	Janssen-Cilag/ Pháp	82g/tube	Tube	59,800
91	Băng dính y tế 5m x 2,5 cm (Vải lụa Taffeta, keo Oxit kẽm)	Urgo/Thái Lan	Hộp 12 cuộn	Cuộn	16,830
92	Băng dính giấy 2,5cm x 9,1m	3M- Đức	12 Cuộn/hộp	Cuộn	13,230
93	Băng keo thun co giãn 8cm x 4,5m	Urgo/Thái Lan	Hộp 1 cuộn	Cuộn	96,400
94	Bột thạch cao (5kg/túi)	Việt Nam	Kg	Kg	8,600
95	Băng bột bó (2,7m x 7,5 cm)	BSN Medical ,ltd Pháp	Cuộn 24cuộn/hộp	Cuộn	19,530
96	Băng bột bó (2,7m x 10 cm)	BSN Medical ,ltd Pháp	Cuộn 24cuộn/hộp	Cuộn	24,045
97	Băng bột bó (2,7m x 15 cm)	BSN Medical ,ltd Pháp	Cuộn 12cuộn/hộp	Cuộn	32,130
98	Băng tât lót bó bột 3" (7,5cm x 20m)	Kenber/ Thái Lan	Cuộn 1cuộn/hộp	Cuộn	565,950

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Hãng SX/nước SX	Quy cách đóng gói	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
99	Băng tất lót bó bột 4" (10cm x 20m)	Kenber/ Thái Lan	Cuộn 1cuộn/hộp	Cuộn	670,320
100	Băng tất lót bó bột 6" (15cm x 20m)	Kenber/ Thái Lan	Cuộn 1cuộn/hộp	Cuộn	754,950
101	Băng thun 3" (7,5cm x 4,5m)	Urgo/Thái Lan	Hộp 40 cuộn	Cuộn	15,100
102	Băng thun 4" (10cm x 4,5m)	Urgo/Thái Lan	Hộp 30 cuộn	Cuộn	18,500
103	Băng bó bột sợi thủy tinh 5cm x 3,6m	3M - Ba Lan	Cuộn	Cuộn	94,500
104	Băng bó bột sợi thủy tinh 7,5cm x 3,6m	3M - Ba Lan	Cuộn	Cuộn	115,500
105	Băng bó bột sợi thủy tinh 10cm x 3,6m	3M - Ba Lan	Cuộn	Cuộn	153,300
106	Lớp đệm bó bột không thấm nước 5cm x 2,4m	BSN-Pháp	Hộp 12 cuộn	Cuộn	116,093
107	Lớp đệm bó bột không thấm nước 7,5cm x 2,4m	BSN-Pháp	Hộp 12 cuộn	Cuộn	137,861
108	Lớp đệm bó bột không thấm nước 10cm x 2,4m	BSN-Pháp	Hộp 12 cuộn	Cuộn	166,884
109	Băng cuộn 7cm x 5m	Lợi Thành - VN	Cuộn	Cuộn	1,281
110	Băng vô trùng trong suốt không thấm nước (5,3 x 7), (5,3 x 8) cm	Thai Adhesive Tapes Industry Thái Lan	Miếng 10miếng / hộp	Miếng	2,835
111	Băng vô trùng trong suốt không thấm nước (7,3 x 8)cm	Urgo/Thái Lan	Hộp 50 miếng	Miếng	6,000
112	Băng phẫu thuật nội soi (6 x 8, 5 x 7)cm	Pharmaplast - Ai Cập	50 miếng/hộp	Miếng	2,200
113	Băng sau phẫu thuật (9 x15cm)	Pharmaplast - Ai Cập	60 miếng/ hộp	Miếng	4,900
114	Băng trước phẫu thuật (15 x 28)cm	Pharmaplast - Ai Cập	10 miếng/hộp	Miếng	29,000
115	Băng phẫu thuật tim hở (45 x 60)cm	3M - Mỹ	10 miếng/hộp	Miếng	109,725
116	Băng gạc chống dính (10 x10)cm	Urgo/Pháp	Hộp 10 miếng	Miếng	30,492
117	Băng gạc Vô trùng (10 x10)cm	Urgo/Pháp	Hộp 10 miếng	Miếng	74,886
118	Băng gạc thấm hút (6 x6)cm	Urgo/Pháp	Hộp 16 miếng	Miếng	52,500
119	Băng gạc mỡ kháng sinh 10x12 cm	Urgo/Pháp	Hộp 10 miếng	Miếng	41,496
122	Miếng dán vùng mô có betadine khổ rộng (35x35) cm	3M - Mỹ	10 miếng/hộp	Miếng	86,625
123	Lưỡi dao mổ số 10	SMI- Bỉ	100 Cái/hộp	Cái	1,210
124	Lưỡi dao mổ số 11	SMI- Bỉ	100 Cái/hộp	Cái	1,210
125	Gạc ổ bụng to 40 x 30cm x 6 lớp vô trùng	Danameco/Việt Nam	2 cái/gói	Cái	4,515
126	Gạc PT nhỏ 6 x 10cm x 12 lớp vô trùng	Danameco/Việt Nam	10 cái/gói	Cái	483
127	Gạc cầu f30 -1 lớp vô trùng	Danameco/Việt Nam	10 c/gói	Cái	231
128	Gạc cầu f30 -1 lớp không vô trùng	Danameco/Việt Nam	Cái	Cái	184
130	Gạc PT nhỏ 6 x10cm x 12 lớp không vô trùng	Danameco/Việt Nam	Miếng	Miếng	378
131	Gạc tẩm cồn	Tanaphar / Việt Nam	100 miếng/ hộp	Miếng	192
132	Gạc mét	Lợi thành VN	Tập 20 mét	Mét	3,150
133	Bông gạc đắp vết thương 7 x 13cm không vô trùng	Danameco/Việt Nam	Miếng	Miếng	567
134	Bông cắt 2x 2cm	Danameco/Việt Nam	500 g/túi	Kg	138,600
135	Bông thấm nước	Danameco/Việt Nam	1kg/gói	Kg	121,800

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Hãng SX/nước SX	Quy cách đóng gói	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
137	Bông ép sọ não có cán quang (13mm x 38mm)	Bảo Thạch, Việt Nam	10 cái/gói	Cái	9,681
138	Meche phẫu thuật 3,5 x 75cm x 6 lớp vô trùng	Danameco/Việt Nam	3 cái/gói	Cái	1,575
139	Bông ép sọ não 2 x 7cm x 2 lớp vô trùng	Danameco/Việt Nam	5 cái/gói	Cái	483
140	Khâu trang giấy vô trùng 3 lớp móc tai vô trùng	TMS Medical - Việt Nam	Cái	Cái	680
141	Khâu trang giấy vô trùng 3 lớp buộc dây vô trùng	Thời Thanh Bình -VN	01 Cái /gói	Cái	1,060.50
143	Khăn đắp phẫu thuật (1,5 x 1,8)m vô trùng	NTI-VNLDHQ	01 Cái/gói	Cái	26,250
144	Khăn thấm không bụi 35cm x 40cm vô trùng	Danameco/Việt Nam	Cái	Cái	3,150
145	Mũ giấy vô trùng	BMS/ Việt Nam	Cái	Cái	699
146	Bốt giấy vô trùng	Bảo Thạch / Việt Nam	500 đôi /kiện	Đôi	1,995
147	Áo giấy phẫu thuật các cỡ	NTI-VNLDHQ	01 Cái/gói	Cái	27,615
148	Bộ quần áo và mũ kỹ thuật viên bằng giấy	BMS/ Việt Nam	Bộ	Bộ	24,800
149	Túi camera vô trùng	Danameco/Việt Nam	1 c/g	Cái	4,840
150	Chỉ Silk/Mersilk 3/0 - không kim, dài 60cm hoặc tương đương	Ethicon- Johnson & Johnson-Trung Quốc	Hộp/12góix13sợi	sợi	1,609.33
151	Chỉ PDS II 4/0 70cm - kim 1/2 20mm hoặc tương đương	Ethicon- Johnson & Johnson ANH	Hộp/36sợi	sợi	125,024.37
152	Chỉ PDS II 5/0 70cm - kim 3/8 13mm hoặc tương đương	Ethicon- Johnson & Johnson ANH	Hộp/36sợi	sợi	114,394.58
153	Chỉ PDS II 6/0 70cm - kim 3/8 13mm hoặc tương đương	Ethicon- Johnson & Johnson ANH	Hộp/36sợi	sợi	181,622.29
154	Chỉ PDS II 6/0 70cm - kim 3/8 9.3mm hoặc tương đương	Ethicon- Johnson & Johnson ANH	Hộp/36sợi	sợi	479,674.42
155	Chỉ Ethibond 2/0 90cm-kim 1/2 17mm hoặc tương đương	Ethicon- Johnson & Johnson MEXICO	Hộp/12sợi	sợi	147,564.38
156	Chỉ Ethibond 3/0 90cm-kim 3/8 17mm hoặc tương đương	Ethicon- Johnson & Johnson MEXICO	Hộp/12sợi	sợi	115,031
157	Chỉ Vicryl 0 75cm-kim 1/2 35mm kim tròn hoặc tương đương	Ethicon- Johnson & Johnson ĐỨC	Hộp/12sợi	sợi	75,525.63
158	Chỉ Vicryl 1, dài 90cm, kim 40mm, kim cong 1/2C, kim đầu tròn hoặc tương đương	Ethicon- Johnson & Johnson ĐỨC	Hộp/12sợi	sợi	81,477.38
159	Chỉ Vicryl 2 75cm-kim 1/2 45mm kim tròn hoặc tương đương	Ethicon- Johnson & Johnson ĐỨC	Hộp/12sợi	sợi	105,616
160	Chỉ Vicryl 3/0 75cm-kim 1/2 26mm kim tròn hoặc tương đương	Ethicon- Johnson & Johnson ĐỨC	Hộp/12sợi	sợi	66,087.87

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Hãng SX/nước SX	Quy cách đóng gói	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
161	Chỉ Vicryl 4/0 75cm-kim 1/2 20mm kim tròn hoặc tương đương	Ethicon- Johnson & Johnson ĐỨC	Hộp/12sợi	sợi	70,329
162	Chỉ Vicryl 5/0 75cm-kim 3/8 16mm kimtròn hoặc tương đương	Ethicon- Johnson & Johnson ANH	Hộp/12sợi	sợi	102,996.25
163	Chỉ Vicryl 6/0 45cm-kim 1/2 13mm kim tròn hoặc tương đương	Ethicon- Johnson & Johnson MEXICO	Hộp/12sợi	sợi	132,197.63
164	Chỉ Vicryl Rapide 5/0 dài chỉ 45cm, kim Prime - 3/8 C, dài kim 11mm hoặc tương đương	Ethicon- Johnson & Johnson BRAXIN	Hộp/12sợi	sợi	101,552.50
165	Chỉ không tan đơn sợi Corolene 4/0 hoặc tương đương	Peters Surgical /Pháp	36 sợi/ hộp	Sợi	104,979
166	Chỉ Prolene 5/0 - 60cm kim tròn 1/2C - 13mm hoặc tương đương	Ethicon- Johnson & Johnson MỸ	Hộp/12sợi	sợi	140,946.75
167	Chỉ Prolene 6/0 -60cm kim tròn 3/8 9.3mm hoặc tương đương	Ethicon- Johnson & Johnson MỸ	Hộp/12sợi	sợi	174,901.13
168	Chỉ Prolene 6/0 -60cm kim tròn 3/8 11mm hoặc tương đương	Ethicon- Johnson & Johnson MỸ	Hộp/12sợi	sợi	143,990
169	Chỉ Prolene 7/0 -60cm kim tròn 3/8 8mm hoặc tương đương	Ethicon- Johnson & Johnson MỸ	Hộp/36sợi	sợi	398,449.33
170	Chỉ Prolene 8/0 - 60cm kim tròn 3/8 6.5mm hoặc tương đương	Ethicon- Johnson & Johnson MỸ	Hộp/36sợi	sợi	430,738
171	Chỉ Premilene 9/0 15 cm - hoặc tương đương	B/Braun - Tây Ban Nha	12 sợi/hộp	Sợi	434,700
172	Chỉ Safil 2/0-70cm - kim tròn 1/2 26mm hoặc tương đương	B/Braun - Tây Ban Nha	36 sợi/hộp	Sợi	64,365
173	Chỉ Safil 3/0-70cm - kim tròn 1/2 26mm hoặc tương đương	B/Braun - Tây Ban Nha	36 sợi/hộp	Sợi	64,365
174	Chỉ Dafilon 2/0-75cm kim D3/8 24mm hoặc tương đương	B/Braun - Tây Ban Nha	36 sợi/hộp	Sợi	22,911
175	Chỉ thép khâu xương ức số 1 x 45cm, kim tam giác 37mm hoặc tương đương	B/Braun - Tây Ban Nha	48 sợi/hộp	Sợi	110,250
176	Chỉ thép khâu xương ức số 2 x 45cm, kim tam giác 37mm hoặc tương đương	B/Braun - Tây Ban Nha	48 sợi/hộp	Sợi	110,250
177	Chỉ thép khâu xương ức số 4 x 45cm, kim tam giác 48mm hoặc tương đương	Demetech - Mỹ	Hộp 48 sợi	Sợi	90,000
178	Chỉ thép khâu xương ức số 5 x 45cm, kim tam giác 48mm hoặc tương đương	Demetech - Mỹ	Hộp 48 sợi	Sợi	90,000
179	Chỉ Ethibond 4/0 90cm-kim 1/2 17mm 2 kim hoặc tương đương	Ethicon- Johnson & Johnson MEXICO	Hộp/12sợi	sợi	113,750
180	Chỉ điện cực tìm 3/0-60cm kim tròn 1/2 - 17mm hoặc tương đương	B/Braun - Tây Ban Nha	36 sợi/hộp	Sợi	298,578
181	Miếng vá màng não nhân tạo (4 x 5) cm	B/Braun - Đức	2 miếng/hộp	Miếng	2,189,565
182	Miếng vá màng não nhân tạo (6 x 8) cm	B/Braun - Đức	1 miếng/hộp	Miếng	4,315,185
183	Miếng vá màng não nhân tạo (6 x 14) cm	B/Braun - Đức	1 miếng/hộp	Miếng	5,445,405
184	Miếng vá da bụng 7,5 x 15cm	B/Braun - Đức	5 miếng/hộp	Miếng	1,826,685

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Hãng SX/nước SX	Quy cách đóng gói	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
185	Miếng vá da bụng 5 x 10cm	B/Braun - Đức	5 miếng/hộp	Miếng	1,159,410
186	Sáp cầm máu xương ức	Ethicon- Johnson & Johnson AN ĐỘ	Hộp/12 miếng	sợi	29,446.38
187	Vật liệu cầm máu Gelitacel dạng xốp	Smi/ Bỉ	Miếng	Miếng	73,000
188	Vật liệu cầm máu tự tiêu (5 x 7)cm dạng lưới	Ethicon- Johnson & Johnson THỤY SỸ	Hộp/24 miếng	Miếng	214,617.81
189	Vật liệu cầm máu tự tiêu (10 x 20)cm dạng lưới	Ethicon- Johnson & Johnson THỤY SỸ	Hộp/12 miếng	Miếng	425,926.38
190	Vít tự tiêu 2 thì thẳng 1.5mm x 4mm	Biomet-Mỹ	4 vít/túi	Cái	1,100,000
191	Vít tự tiêu 2 thì thẳng 1.5mm x 5mm	Biomet-Mỹ	10 vít/túi	Cái	650,000
192	Vít titan 2.0mm các cỡ	Biomet-Mỹ	Cái	Cái	400,000
193	Miếng vá sọ tự tiêu 25 x 25mm, dày 0.5mm	Biomet-Mỹ	Cái	Cái	4,390,000
194	Miếng vá sọ tự tiêu 25 x 50mm, dày 0.5mm	AS/Đức	Cái	Cái	5,999,500
195	Miếng vá sọ tự tiêu 50 x 50mm, dày 0.5mm	Biomet-Mỹ	Cái	Cái	6,560,000
196	Miếng vá sọ tự tiêu 100 x 100mm, dày 0.5mm	Biomet-Mỹ	Cái	Cái	11,500,000
197	Miếng vá màng cứng tự tiêu 2.5 x 7.5cm	Integra-Mỹ	Cái	Cái	6,400,000
198	Miếng vá màng cứng tự tiêu 5 x 5cm	Integra-Mỹ	Cái	Cái	6,800,000
199	Nẹp tự tiêu thẳng 20 lỗ 1.5mm	Biomet-Mỹ	Cái	Cái	7,200,000
200	Nẹp tự tiêu thẳng 2 x 19 lỗ 1.5mm, dày 1mm	Biomet-Mỹ	Cái	Cái	7,180,000
201	Nẹp titan thẳng 16 lỗ 2.0mm	Biomet-Mỹ	Cái	Cái	1,900,000
202	Đầu vi chỉnh xương 1.5mm x 15mm, loại tự khoá, kèm ống vi chỉnh đa hướng 35mm	Biomet-Mỹ	Bộ	Bộ	23,800,000
203	Đầu vi chỉnh xương 1.5mm x 20mm, loại tự khoá, kèm ống vi đa chỉnh hướng 35mm	Biomet-Mỹ	Bộ	Bộ	23,800,000
204	Đầu vi chỉnh xương 1.5mm x 30mm, loại tự khoá, kèm ống vi đa chỉnh hướng 35mm	Biomet-Mỹ	Bộ	Bộ	23,800,000

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Hãng SX/nước SX	Quy cách đóng gói	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
205	Đầu vi chỉnh xương 1.5mm x 25mm, loại tự khoá, kèm ống vi đa chỉnh hướng 35mm	Biomet-Mỹ	Bộ	Bộ	23,800,000
206	Kích xương titan 3x2 lỗ, 1.5mm	AS/Đức	Bộ	Bộ	22,998,500
207	Kích xương titan 5x4 lỗ, 1.5mm	AS/Đức	Bộ	Bộ	38,995,000
209	Bộ dẫn lưu ngực kín (gồm dẫn lưu và bình kín 2 ngăn) 1150ml	Biometrix-Israel	Bộ	Bộ	1,500,000
210	Miếng vá sọ não tự tiêu 25 x 25mm, dày 1,25mm	Osteopore Intenational Pte Ltd/ Singapore	Miếng	Miếng	3,780,000
211	Miếng vá sọ não tự tiêu 50 x 50mm, dày 1,25mm	Osteopore Intenational Pte Ltd/ Singapore	Miếng	Miếng	7,245,000
212	Miếng vá sọ não tự tiêu 50 x 50mm, dày 2mm	Osteopore Intenational Pte Ltd/ Singapore	Miếng	Miếng	9,135,000
213	Chốt cố định miếng ghép sọ não tự tiêu 12mm x5mm	Osteopore Intenational Pte Ltd/ Singapore	Cái	Cái	2,310,000
215	Chốt cố định miếng ghép sọ não tự tiêu 100mm x 4mm x3,5mm	Osteopore Intenational Pte Ltd/ Singapore	Cái	Cái	10,342,500
216	Keo dính da	Ethicon- Johnson & Johnson MỸ	Hộp/12 ống	TUÝP	170,502.50
217	Bột cầm máu tự tiêu trong phẫu thuật thần kinh sọ não là chất polysachride kèm vòi bơm dài 10cm	Starch Medical - Trung Quốc	3g/gói	gói	3,750,000
218	Keo sinh học vá mạch máu, màng não	Baxter Healthcare Corporation/ Mỹ	Bộ	Bộ	6,950,000
219	Nước cất 2 lần	Thuận Phát/ Việt Nam	5lít/can 20lit/can	Lít	9,300
220	Ống nghiệm thủy tinh trung tính f16x100mm dày 1,2mm	Son Hà/ Việt Nam	1000 cái/thùng	Cái	1,000
222	Ống nghiệm nhựa có HEPARIN f10x73mm	An Phú/ Việt Nam	Cái	Cái	714
223	Ống nghiệm nhựa chân không có HEPARIN - f10x73mm	Improve Medical Instruments Co.,Ltd Trung Quốc	Cái 100 cái/hộp, 1000 cái/thùng	Cái	1,890
224	Ống nghiệm nhựa chân không có CITRAT f10x73mm	Kima / Italia	100 cái / hộp	cái	2,163
225	Ống nghiệm nhựa có CITRAT f10x73mm	Ngọc Xuân Dinh (Việt Nam)	100 ống/khay 16 khay/thùng	Cái	840
226	Ống nghiệm nhựa CITRAT có vacumm	Kima / Italia	100 cái / hộp	cái	2,163
227	Ống nghiệm nhựa chống đông EDTA f10x73mm	KLC/ Đức Minh- Việt nam	Hộp 100 cái	Cái	651
228	Ống nghiệm nhựa chân không chống đông EDTA K3 f10x73mm	Kima / Italia	100 cái / hộp	cái	1,890

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Hãng SX/nước SX	Quy cách đóng gói	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
229	Ống nghiệm nhựa chống đông EDTA K3 loại 2ml	F.L Medical (Ý)	Cái	Cái	1,070
232	Ống nghiệm nhựa không nắp 5ml	KLC- Việt Nam	Cái	Cái	210
233	Ống nghiệm nhựa nắp đỏ có nhãn	Phúc Hà, Việt Nam	Cái	Cái	436
234	Ống ly tâm nhựa đáy nhọn vô trùng 15ml	Corning-Mỹ Nước sx: Mexico/TQ	500c/ thùng	Cái	5,181
235	Ống ly tâm đáy nhọn vô trùng 50ml	Corning-Mỹ Nước sx: Mexico/TQ	500 c/thùng	Cái	8,074
236	Ống PCR 0,2ml	Corning-Mỹ Nước sx: Mỹ	1.000 c/thùng	Cái	1,441
237	Ống ly tâm 0,5ml	Corning-Mỹ Nước sx: Mỹ	1.000 c/thùng	Cái	1,518
238	Ống ly tâm 1,5ml- 1,7ml	Corning-Mỹ Nước sx: Mỹ	5.000 c/thùng	Cái	990
239	Ống ly tâm 2ml	Thermo/QSP- Mỹ	500 cái/ túi	Cái	670
240	Ống đựng bệnh phẩm 2ml nắp xoáy ngoài	Thermo/QSP- Mỹ	500 cái/ túi	Cái	3,010
241	Ống 5ml nắp vận ngoài vô trùng	Nam Khoa - Việt Nam	25 cái/bịch	Cái	3,500
242	Lọ vô trùng 40ml	VN	Hộp 500 cái	Cái	1,680
243	Lọ thủy tinh màu có công tơ hút	Duran (EU/Đức)	cái	Cái	252,000
244	Lọ nhựa nhỏ có nắp đựng bệnh phẩm 20ml	Thuận Hưng -Việt Nam	12cái/Túi	Cái	616
245	Lọ nhựa lấy mẫu phân có thìa	HTM - Việt nam	Bịch 100 cái	Cái	1,365
246	Lọ đựng bệnh phẩm nhựa 500ml	SPL Life Sciences (Hàn Quốc)	cái	cái	14,060
247	Cồng thủy tinh tròn đựng tiêu bản có nắp	Sigma (Mỹ/EU)	cái	cái	1,138,880
249	Bình cầu đáy bằng 1000ml	Duran (EU/Đức)	cái	cái	150,000
250	Chai nuôi cấy vô trùng cổ gấp có nắp thông khí, 25cm ⁶	Corning-Mỹ Nước sx: Mỹ/Trung Quốc	200 c/thùng	Cái	19,613
251	Chai thủy tinh trung tính 1000ml	Duran/Đức	Cái	Cái	113,000
252	Chai thủy tinh trung tính 2000ml	Duran/Đức	Cái	Cái	227,000
253	Chai thủy tinh trung tính 250ml	Duran/Đức	Cái	Cái	71,000
254	Chai thủy tinh trung tính 100ml	Duran/Đức	Cái	Cái	62,000
255	Chai thủy tinh trung tính 50ml	Duran/Đức	Cái	Cái	69,500
256	Chai nhựa 100ml	Phúc Hà, Việt Nam	Cái	Cái	1,533
258	Đĩa petry nhựa 3 ngăn d = 90mm	Aptaca/Ý	Cái	Cái	3,050

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Hãng SX/nước SX	Quy cách đóng gói	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
259	Đĩa petry nhựa d = 150mm	SPL Life Sciences (Hàn Quốc)	Cái	cái	13,060
260	Đĩa petry nhựa đơn d = 90mm	SPL - Hàn Quốc	500 chiếc / thùng	cái	2,600
261	Đĩa petry nhựa tiết trùng d 55x h 10mm	Aptaca - Italia	Túi 10 cái, thùng 900 cái	Cái	4,147
262	Đĩa petry thủy tinh đường kính 90 x 15mm	Duran (EU/Đức)	Cái	cái	26,000
263	Đĩa petry thủy tinh đường kính 100 x 15mm	Duran (EU/Đức)	Cái	cái	27,000
264	Đĩa petry nhựa vô trùng nuôi cấy tế bào 35mm	Corning-Mỹ Nước sx: Mỹ	500 c/thùng	Cái	6,501
265	Plate nhựa 48 giếng cấy lao	SPL/Hàn Quốc	Cái	Cái	25,400
266	Film phủ Plate(PCR film)	Thermo/QSP- Mỹ	100 cái/ hộp	Cái	21,610
268	Phễu thủy tinh lọc môi trường	Duran/Đức	Cái	Cái	390,000
269	Pipet 8 kênh 100 - 300 µl	Thermo/QSP- Mỹ	Cái	Cái	11,750,000
270	Pipet nhựa vô trùng 3ml dùng 1 lần (1c/túi)	Nam Khoa - Việt Nam	250 cái/túi	Cái	1,200
271	Pipet nhựa vô trùng 10ml	Corning-Mỹ Nước sx: Mỹ	200 c/thùng	Cái	5,049
272	Lam kính mài một đầu (25,4 x 76,2 x 1)mm	Yancheng Jingwei- TQ	72c/ hộp		16,500
274	Lam kính dùng cho hóa mô miễn dịch	Thermo/ Mỹ	72c/hộp	Hộp	997,500
275	Lamen (18 x 18) mm	Thermo/ Đức	1000 cái/ hộp	Cái	462
276	Lamen (22 x 22) mm	Thermo/ Đức	1000 cái/ hộp	Cái	462
277	Lamen (32 x 24) mm	Thermo/ Đức	1000 cái/ hộp	Cái	861
278	Lamen (50 x 24) mm	Thermo/ Đức	1000 cái/ hộp	Cái	1,995
279	Đầu côn xanh 200-1000µl	MIDA - Việt Nam	1000 cái/túi	Cái	85
280	Đầu côn thường 0,1-10 µl	Thermo/QSP- Mỹ	1000 cái/ túi	Cái	220
281	Đầu côn thường 10- 200 µl	CLS 4111- Corning Sigma Aldrich	1000 cái/ túi	Cái	160
282	Đầu côn có phin lọc 100 µl	Thermo/QSP- Mỹ	960 cái/ hộp	Cái	1,146
283	Đầu côn có phin lọc 0,1-10 µl	Thermo/QSP- Mỹ	960 cái/ hộp	Cái	1,146
284	Đầu côn có phin lọc 10-50 µl	Axygen - Mỹ Nước sx: Mexico/TQ	960c/ Hộp	Cái	1,040
285	Đầu côn có phin lọc 10-200 µl	Thermo/QSP- Mỹ	960 cái/ hộp	Cái	1,146
286	Đầu côn có phin lọc 100-1000 µl	Thermo/QSP- Mỹ	960 cái/ hộp	Cái	1,146
287	Cốc thủy tinh có mỏ 500ml	Duran (EU/Đức)	Cái	Cái	254,000

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Hãng SX/nước SX	Quy cách đóng gói	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
288	Cốc thủy tinh có mỏ 1000ml	Duran (EU/Đức)	Cái	Cái	394,000
289	Hộp lưu mẫu (100 lỗ) bằng nhựa	SPL/Hàn Quốc	Hộp	Hộp	41,000
290	Hộp lưu mẫu (100 lỗ) bằng giấy	SPL Life Sciences (Hàn Quốc)	Hộp	Hộp	43,290
291	Khay nhựa để tiêu bản (20 x30)cm	BioSigma (Ý)	Cái	Cái	452,000
292	Hộp nhựa để tiêu bản có nắp (10 x25)cm	BioSigma (Ý)	Cái	Cái	267,700
293	Giá cắm ống xét nghiệm Inox loại 60 lỗ	Vietnam		Cái	361,000
294	Tuýp vận chuyển Cary Blair	Nam Khoa - Việt Nam	20 tube/bịch	Tube	11,830
295	Tăm bông vô trùng phù hợp với môi trường Carry blair	Nam Khoa - Việt Nam	1 cái/túi	Cái	3,300
297	Que cấy nhựa vô trùng 10µl	MIDA - Việt Nam	10 cái/túi	Cái	1,100
298	Que cấy nhựa vô trùng 1µl	MIDA - Việt Nam	10 cái/túi	Cái	1,100
299	Que máu lắng dùng 1 lần	Copan - Biosingma/ Italia	1000 cái/hộp	Cái	14,700
300	Bàn chải cọ rửa dụng cụ 13mm	Sklar/Mỹ	Cái	Cái	99,500
301	Bàn chải cọ rửa dụng cụ 2 đầu	Sklar/Mỹ	Cái	Cái	199,500
302	Chổi cọ dụng cụ phẫu thuật KT 13mm	Sklar/Mỹ	Cái	Cái	299,500
303	Chổi cọ dụng cụ phẫu thuật KT 16mm	Sklar/Mỹ	Cái	Cái	349,500
304	Chổi cọ dụng cụ phẫu thuật KT 9,6mm	Sklar/Mỹ	Cái	Cái	349,500
305	Chổi cọ dụng cụ phẫu thuật KT 9mm	Sklar/Mỹ	Cái	Cái	349,500
306	Chổi cọ dụng cụ phẫu thuật	Sklar/Mỹ	Cái	Cái	349,500
307	Bịt đầu bảo vệ dụng cụ phẫu thuật	Việt Nam	Cái	Cái	6,750
309	Giấy Parafin	Bemis/Mỹ	Cuộn	Cuộn	440,000
310	Cán que cấy vi sinh bằng kim loại	Heinz/Đức	Cái	Cái	145,000
311	Túi nilon đựng thuốc mỏng, màu hồng (20 x 25) cm	Việt Nam	Cái	Cái	480
312	Túi nilon đựng rác thải y tế nhỏ, mỏng màu vàng (30 x 46) cm 190-200 cái/kg	Việt Nam	Cái	Cái	480
313	Túi nilon đựng rác thải y tế nhỏ, mỏng màu xanh (30 x 46) cm 190-200 cái/kg	Việt Nam	Cái	Cái	480
314	Túi nilon mỏng màu trắng (30 x 46) cm 190-200 cái/kg	Cty CP Cung Ứng TB Môi Trường Xanh / Việt Nam	Cái	Cái	440
315	Túi nilon đựng rác thải công cộng màu xanh (68 x 78) cm 28 cái/kg	VN	1Kg = 28 cái	Cái	3,270
316	Túi nilon đựng rác thải y tế to, màu vàng, chữ in xâu dây (40 x 60) cm 38 cái/kg	VN	1 Kg = 38 cái	Cái	2,850
317	Túi nilon đựng rác thải sinh hoạt to, màu xanh, in chữ, xâu dây (46 x 70) cm 34 cái/kg	VN	1 Kg = 34 cái	Cái	2,990

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Hãng SX/nước SX	Quy cách đóng gói	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)
318	Túi nilon đựng rác thải sinh hoạt to, màu xanh, in chữ, khâu dây (90 x 100) cm 15 cái/kg	VN	1Kg = 15 cái	Cái	6,990
319	Túi nilon trắng dài (8x 30)cm	Cty CP Cung Ứng TB Môi Trường Xanh / Việt Nam	Cái	Cái	450
320	Túi nilon trắng trong đựng rác y tế tái chế (68 x 78)cm	Cty CP Cung Ứng TB Môi Trường Xanh / Việt Nam	28 cái/kg	Cái	3,400
321	Hộp đựng chất thải sắc nhọn 1,5 lít bằng nhựa màu vàng có nắp đậy, quai xách, vạch giới hạn mức chứa	VN	Cái= 1,5 lít	Cái	11,637
322	Hộp đựng chất thải sắc nhọn 1,5 lít bằng carton màu vàng, tráng PE hai mặt. KT: (275 x 155 x 125)mm	Mediplast	Cái	Cái	11,068